

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022

--

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4700149595
- Vốn Điều lệ: 117.377.280.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 177.930.305.386 đồng.
- Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
- Điện thoại: (0209)3 812 399.
- Website: <http://backanco.com> Email: bkc@backanco.com
- Mã cổ phiếu: BKC
- Biểu tượng của Công ty:



*** Quá trình hình thành và phát triển**

- Ngày 05/04/2000, Công ty khoáng sản Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định số: 312/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Kạn.
- Tháng 4/2006, Công ty chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ 51% vốn Điều lệ.
- Ngày 18/8/2009, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán BKC) chính thức được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Ngày 22/10/2009, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty.
- Ngày 12/7/2021, UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định số 1190/QĐ-UBND chấp thuận cho Công ty sáp nhập 03 dự án: Nhà máy luyện chi công suất 10.000 tấn/năm
- Cải tạo giảm công suất xuống còn 5.000 tấn/năm; Nhà máy sản xuất bột kềm ô xít; Dự

ấn xử lý chất thải rắn trong khai thác chế biến khoáng sản thành “Dự án điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì, kẽm”.

- Ngày 29/7/2022, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 37/2022/NQ-HDQT về việc thông qua hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ (100%) phần vốn góp của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Công ty TNHH Việt Trung.

- Ngày 19/9/2022, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 40/2022/NQ-HDQT về thông qua việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần sâu riêng Tây Nguyên.

- Ngày 04/11/2022, UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định số 2140/QĐ-UBND về việc thành lập Cụm công nghiệp Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới, giao Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành, nghề kinh doanh chính: Khai thác và chế biến quặng chì, kẽm, quặng sắt, kim loại màu, kim loại quý hiếm; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải,...

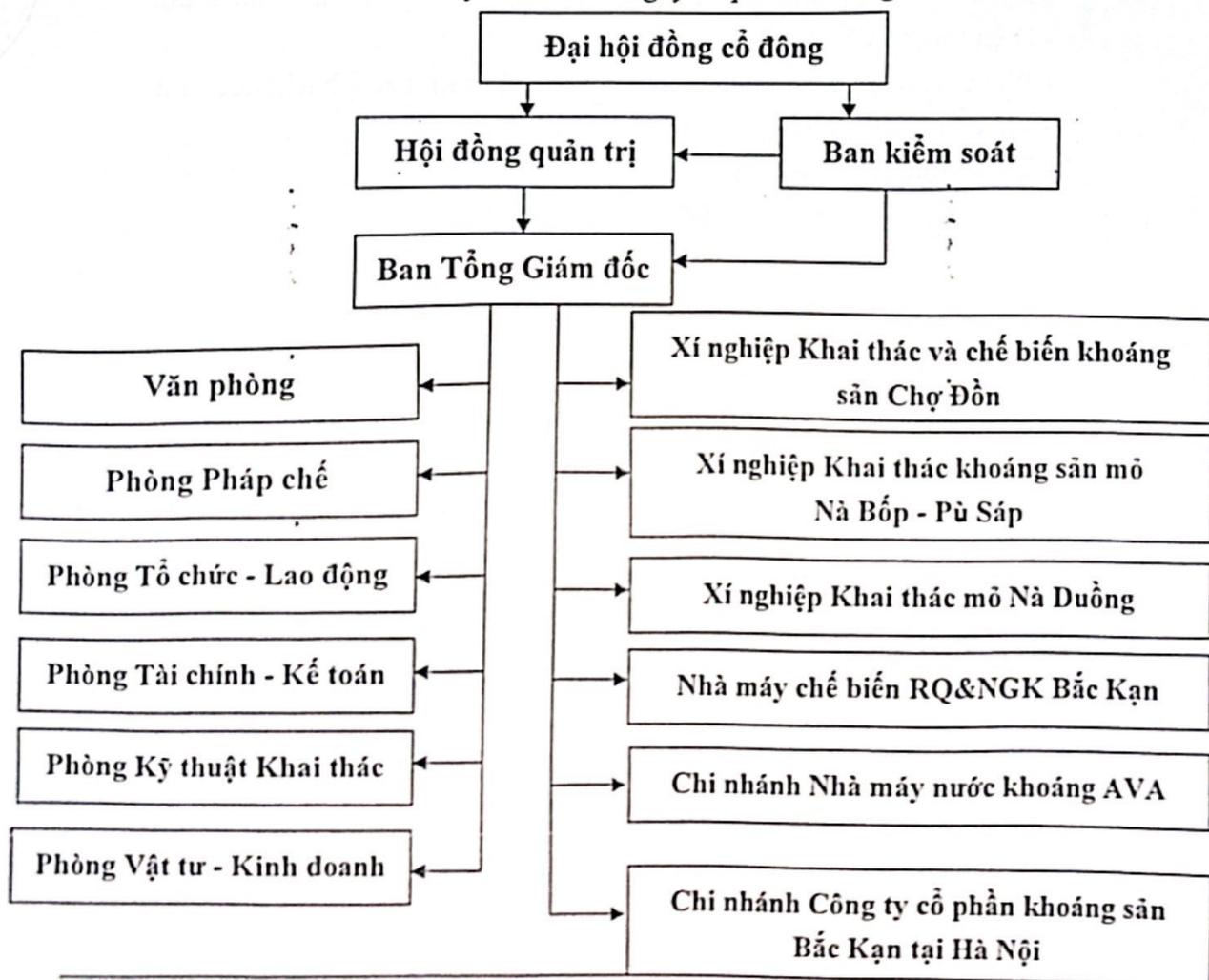
- Địa bàn kinh doanh chính: Trong và ngoài tỉnh Bắc Kạn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

3.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

Hình 1. Sơ đồ bộ máy tổ chức Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn



3.3. Các Công ty con, Công ty liên kết:

a) Công ty con: Không.

b) Công ty liên kết:

- Tên Công ty liên kết: Công ty cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên.

- Địa chỉ: CN4, Cụm công nghiệp Tân An, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản; xây dựng khai thác cụm công nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ,...

- Vốn điều lệ: 96.600.000.000 đồng.

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần sầu riêng Tây Nguyên: 5,18% vốn điều lệ.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tiếp tục phát huy thế mạnh về cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng sẵn có để phát triển sản xuất kinh doanh. Tích cực đổi mới, phát triển công nghệ kỹ thuật khai thác và tập trung cho chế biến sâu khoáng sản kim loại màu, kim loại quý hiếm; điều chỉnh chính sách và cơ chế quản lý cho phù hợp với thị trường nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động, cải thiện chế độ làm việc và phát huy tối đa năng lực của cán bộ công nhân viên; đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, công tác an sinh xã hội.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Khai thác khoáng sản trọng điểm tại tỉnh Bắc Kạn và các tỉnh lân cận từng bước tiến ra thị trường nước ngoài. Tiếp tục đầu tư mạnh cho công nghệ chế biến sâu kim loại màu đi đôi với bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty chịu tác động, ảnh hưởng của các yếu tố rủi ro sau:

- *Rủi ro về kinh tế*: Khai thác khoáng sản cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp khác trong nền kinh tế. Vì vậy, sự phát triển của nền kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam, tạo ra sức cầu quan trọng đối với ngành khai thác khoáng sản. Giá cả của các mặt hàng ngành khai thác khoáng sản có tác động to lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sản phẩm của Công ty được tham chiếu theo giá giao dịch trên thị trường quốc tế nên những biến động sẽ mang lại tác động lớn đến Công ty. Trong năm 2022, giao thương trên thế giới tiếp tục bị hạn chế do vẫn chịu tác động tiêu cực từ hậu quả của dịch bệnh Covid-19, ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraina dẫn đến giá kim loại trên thị trường biến động nhiều, sức mua trên thị trường không lớn, giá nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư tăng cao làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

- *Rủi ro về pháp lý*: Những thay đổi về chính sách khai thác, sử dụng, xuất khẩu khoáng sản đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chính sách về thuế, phí, bảo vệ môi trường của Nhà nước ngày càng thắt chặt.

- *Bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên:* Các chính sách bảo vệ môi trường, tài nguyên không tái tạo, sử dụng đất ngày càng được thắt chặt ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thời gian xin cấp phép liên quan đến hoạt động khoáng sản thường kéo dài từ 01 đến 05 năm, là một rủi ro lớn trong hoạt động của Công ty.

- Phong tục, tập quán địa phương cũng là một trở ngại không nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên: Đặc điểm của ngành khai thác khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần thực hiện công tác thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng và chất lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế kỹ thuật thì rủi ro chi phí là rất lớn. Mặc dù Công ty đã thực hiện các nghiên cứu, khảo sát, đánh giá về điều kiện địa chất mỏ, tuy nhiên những nghiên cứu đánh giá này không thể lường trước hết được những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá chưa đúng về địa chất và trữ lượng khoáng sản có thể khai thác được sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất hàng năm của Công ty. Đây là vấn đề nan giải cần tiếp tục nghiên cứu tìm giải pháp để khắc phục.

- Rủi ro đặc thù của ngành khai thác, chế biến khoáng sản: Trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải nguy hại, phế thải độc hại, chất thải thông thường với số lượng lớn. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, mưa nhiều với lượng lớn làm tăng nguy cơ bực nước khi khai thác xuống sâu, tiềm ẩn nhiều nguy cơ tai nạn lao động; việc ngừng sản xuất do các nguyên nhân trên làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

- Nguồn nhân lực không ổn định, trình độ hiểu biết pháp luật của người lao động còn hạn chế, phong tục, tập quán địa phương dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác quản trị nhân lực, nghỉ việc tự do vẫn còn diễn ra ảnh hưởng đến sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Do ảnh hưởng của đại dịch bệnh Covid-19 nên bị giãn cách xã hội, đến tháng 3 năm 2022 mọi hoạt động mới chính thức trở lại bình thường nhưng vẫn chịu tác động tiêu cực từ hậu quả của dịch bệnh Covid-19. Ngoài ra còn ảnh hưởng nghiêm trọng từ cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraina dẫn đến giá nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư tăng cao làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù Công ty vẫn duy trì được hoạt động sản xuất ổn định từ khai thác đến chế biến nhưng có từng thời điểm phải hoạt động cầm chừng, không liên tục đặc biệt là nhà máy luyện chì, nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít vẫn thiếu nguyên liệu dẫn đến lao động phải ngừng, nghỉ

việc tạm thời; hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư, cải tạo và nâng cấp khang trang; điều kiện lao động, môi trường làm việc, sinh hoạt được cải thiện, các trang thiết bị phục vụ sản xuất từng bước cơ giới hóa, hiện đại hóa; chất lượng lao động và chất lượng sản phẩm được nâng lên.

Công ty tiếp tục đóng góp vào giá trị sản lượng công nghiệp của tỉnh, tăng thu ngân sách địa phương, thúc đẩy lĩnh vực khai khoáng và chế biến sâu khoáng sản được phục hồi và phát triển.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 so với chỉ tiêu kế hoạch đặt ra:

Bảng 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022		Tỷ lệ thực hiện (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	23.600,0	24.403,65	103,41
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	5.000,0	4.507,277	90,15
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.200,0	3.139,156	99,10
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	5.000,0	3.003,176	60,06
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	8.100,0	1.777,648	21,95
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	1.500,0	2.383,922	158,93
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.000,0	6.535,361	217,85
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	4.000,0	2.676,181	66,90
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	7.500,0	2.166,821	28,89
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	407,5	240,30	58,97
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	7,95	2,96	36,48
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	28,0	24,28	86,71
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	-	5,143	-
8	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	7,7	7,8	101,30
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Tỷ đồng	55,45	17,787	32,08

* Ghi chú:

- Tiền BHXH phát sinh đến đầu Công ty thực hiện nộp đầy đủ đến đó.

- Tổng sản lượng khai thác quặng nguyên khai: **24.403,65 tấn.**

Trong đó: + Sản lượng mỏ Nà Bốp - Pù Sáp đạt: 19.653,7 tấn;
+ Sản lượng mỏ Nà Duồng đạt: 4.749,95 tấn.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Bảng 2. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Đinh Văn Hiến	Tổng giám đốc	
2	Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng giám đốc	
3	Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng giám đốc	
4	Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng giám đốc	
5	Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng giám đốc	

* Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành:

i) Ông **Đinh Văn Hiến** - Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT:

- Sinh năm: 1967 - Dân tộc: Tày - Quốc tịch: Việt Nam.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.576 cổ phần.

ii) Ông **Nguyễn Trần Nhất** - Phó Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT:

- Sinh năm: 1976 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0.

iii) Ông **Vũ Gia Hạnh** - Phó Tổng Giám đốc:

- Sinh năm: 1978 - Dân tộc: Tày - Quốc tịch: Việt Nam.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 1.100 cổ phần.

iv) Ông **Trần Văn Quyền** - Phó Tổng Giám đốc:

- Sinh năm: 1982 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 8.500 cổ phần.

v) Ông **Đỗ Đình Thắng** - Phó Tổng Giám đốc:

- Sinh năm: 1982 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 0 cổ phần.

vi) Bà **Trần Thị Yến** - Kế toán trưởng:

- Sinh năm: 1971 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 866 cổ phần.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Về nhân sự cấp cao trong năm 2022: Không có thay đổi về nhân sự cấp cao.

- Trong năm 2022, Tổng giám đốc đã bổ nhiệm 01 trưởng ban và 02 phó ban dự án Cụm công nghiệp Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

2.3. Về lực lượng lao động

- Tổng số lao động Công ty tính đến thời điểm hết 31/12/2022 là 395 người.

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động: Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động (*ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm bắt buộc, đào tạo và huấn luyện về an toàn lao động, khám sức khỏe định kỳ...*). Người lao động ở xa, làm việc tại Công ty được bố trí chỗ ở miễn phí và có bếp ăn tập thể phục vụ hàng ngày. Ngoài các chính sách chung của Nhà nước, hàng năm Công ty tặng quà cho các cháu thiếu nhi con của người lao động được nhân dịp Quốc tế thiếu nhi (01/6) và Tết Trung thu, Tuyên dương học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập; tặng quà cho người lao động các ngày Lễ, Tết; tặng quà cho nữ lao động nhân ngày Quốc tế phụ nữ, Ngày phụ nữ Việt Nam; tặng quà các gia đình chính sách trong và ngoài Công ty nhân kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ (27/7); Ủng hộ quỹ từ thiện, dịch Covid-19, quỹ phòng chống thiên tai, ngày hội đại đoàn kết, đền ơn đáp nghĩa, bảo trợ trẻ em, chất độc màu da cam...; Tặng quà Tết cho các gia đình có công với cách mạng, gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, các học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

- Các dự án khai thác: Trong năm 2022, Công ty không có hoạt động đầu tư lớn cho các mỏ do các mỏ đã ổn định sản xuất không cần thêm nguồn vốn.

- Các dự án chế biến: Trong năm 2022, tổng nguồn vốn đầu tư cho dự án là 16,448 tỷ đồng, đạt sản lượng như sau:

+ Nhà máy Luyện chì: Sản lượng sản xuất được 3.003,176 tấn chì kim loại (hàm lượng Pb \geq 97%).

+ Nhà máy sản xuất bột kẽm ôxít: Sản lượng sản xuất được 1.777,648 tấn ZnO hàm lượng 50 ÷ 75%.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty cổ phần sàu riêng Tây Nguyên; có địa chỉ: CN4, Cụm công nghiệp Tân An, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là Sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản; xây dựng khai thác cụm công nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ,.. Năm 2022, Công ty tập trung cho việc cải tạo, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt dây truyền thiết bị.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

Bảng 3: Tình hình tài chính của Công ty năm 2021, 2022

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (31/12/2021)	Năm 2022 (31/12/2022)	Tỷ lệ % tăng giảm 2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	452.989.299.957	385.042.854.769	85,00

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (31/12/2021)	Năm 2022 (31/12/2022)	Tỷ lệ % tăng giảm 2022/2021
2	Doanh thu thuần	377.712.504.659	240.298.998.787	63,62
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	3.328.569.088	(1.916.962.761)	- 57,59
4	Lợi nhuận khác	3.102.905.386	4.885.390.799	157,45
5	Lợi nhuận trước thuế	6.431.474.474	2.968.428.038	46,15
6	Lợi nhuận sau thuế	6.431.474.474	2.968.428.038	46,15
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	548	253	46,17

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 4. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2021, 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,155	1,326
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,754	0,467
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,677	0,538
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,096	1,164
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho	3,058	1,749
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,895	0,624
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,012	0,012
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,033	0,017
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,011	0,008
+ Hệ số lợi nhuận thuần/Doanh thu thuần	0,004	-0,008

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 11.737.728 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 11.737.728 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Ngày 02/3/2023, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số: 05/2023/NQ-HĐQT về việc thông qua ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Theo đó ngày tổ chức ĐHĐCĐ năm 2023 là ngày 26/4/2023, ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 là ngày 28/3/2023.

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông Công ty

TT	Cổ đông	Đến thời điểm 28/3/2023		Ghi chú
		Số cổ phần	% Vốn điều lệ	
1	Cổ đông trong nước	11.716.423	99,82	
	Cổ đông cá nhân	6.058.613	51,71	
	Cổ đông là tổ chức	5.657.810	48,29	
2	Cổ đông nước ngoài	21.305	0,18	
	Tổng	11.737.728	100,00	

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

6.2. Quản lý nguồn nguyên liệu:

- Tổng lượng nguyên liệu chính được sử dụng để sản xuất năm 2022 là: 8.051 tấn quy khô (gồm: tinh quặng sunfua chì, chì ôxít, bismuth luyện kẽm);

- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm của Công ty: Khoảng 20%.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: i) Điện năng: 7.453.398,0 KW/năm; ii) Than các loại: 6.791,8 tấn; iii) Trấu: 417,75 tấn; iv) Xăng dầu các loại: 95.627,74 lít.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty đã áp dụng những biện pháp, sáng kiến tiết kiệm năng lượng đối với các đơn vị sử dụng trong toàn Công ty tuy nhiên do đặc thù của ngành khai thác và chế biến khoáng sản nên hiệu quả chưa cao.

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

6.4. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nước mặt và nước tự nhiên; Lượng nước sử dụng: 64.000 m³/năm.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 80%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

- Tổng số tiền do bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

+ Số lượng lao động: 395 người.

+ Mức lương bình quân: 7,8 triệu đồng/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty tuân thủ các quy định về An toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe đối với người lao động như: 100% lao động được tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm bắt buộc, trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, huấn luyện An toàn vệ sinh lao động định kỳ và thường xuyên, khám sức khỏe định kỳ, thực hiện đúng bồi dưỡng độc hại đối với lao động theo quy định.

- Các chế độ thưởng, phúc lợi đối với người lao động trong năm 2022:

TT	Các nội dung đã thực hiện	Số tiền (VNĐ)
01	Tổ chức tập huấn về an toàn vệ sinh lao động cho 100% đối tượng phải tập huấn là NLD và NSDLĐ	17.000.000
02	Khám sức khỏe định kỳ, khám nâng cao năm 2022 cho 100% NLD đang làm việc tại Công ty	45.680.000
03	Tổ chức cho 190 người lao động đi nghỉ dưỡng sức tại Thanh Hóa và Quy Nhơn, Bình Định.	542.000.000
04	Khen thưởng 09 tập thể và 118 cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất 2021	82.500.000
05	Tặng quà nhân dịp Tết nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn	44.847.000
06	Thưởng Tết dương lịch và Tết nguyên đán 2022	1.081.800.000
07	Chi thưởng ngày Quốc khánh 02/9/2022	78.800.000

TT	Các nội dung đã thực hiện	Số tiền (VNĐ)
08	Tuyên dương, khen thưởng cho các cháu học sinh là con người lao động đạt thành tích cao trong học tập năm học 2021-2022	24.300.000
09	Tặng quà Tết thiếu nhi cho các cháu là con người lao động đang làm việc tại Công ty, các cháu trường Mầm non, trường Tiểu học và thôn Nà Duồng xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn	72.700.000
10	Tặng quà Tết Trung thu cho các cháu là con người lao động đang làm việc tại Công ty	68.200.000
11	Tổ chức thăm hỏi ốm đau, hiếu hi 155 lượt người lao động trong toàn Công ty	46.000.000
12	Hỗ trợ cho ĐVCD bị Covid-19 với mức 200.000 đồng/người	29.200.000
	Cộng	2.133.027.000

- Hoạt động đào tạo người lao động (Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên): Trong năm 2022, Công ty tổ chức tập huấn về vật liệu nổ công nghiệp, huấn luyện về ATVSLĐ-PCCN, huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ cho 372 người, khám sức khỏe định kỳ cho 363 người.

6.7. Một số chi tiết liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2022, Công ty đã trực tiếp và phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện nhiều hoạt động công tác xã hội, an sinh vì cộng đồng, cụ thể như sau:

TT	Các nội dung đã thực hiện	Số tiền (VNĐ)
1	Tặng quà Tết cho các gia đình chính sách, nạn nhân chất độc da cam, hộ gia đình khó khăn, các cháu học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn	43.613.000
2	Hỗ trợ học bổng hàng tháng cho 04 học sinh thuộc Chương trình cấp lá yêu thương và tặng quà 04 cháu nhân dịp tết Nguyên đán	21.200.000
3	Hỗ trợ kinh phí tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn của xã Bàn Thi, huyện Chợ Đồn nhân dịp "Tháng hành động vì trẻ em"	3.000.000
4	Ủng hộ Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Bắc Kạn	3.000.000
	Tặng quà cho thương bệnh binh, gia đình chính sách, người có công, người tham gia hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc da	12.700.000

Năm	Danh hiệu thi đua	Cơ quan ban hành
2022	Đạt thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	UBND tỉnh Bắc Kạn
2022	Đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua năm 2021	UBND tỉnh Bắc Kạn
2022	Có thành tích trong việc tu bổ, tôn tạo đền Phja Khao, xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn	UBND huyện Chợ Đồn
2022	Có thành tích tiêu biểu trong công tác ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" năm 2022	UBMTTQ tỉnh Bắc Kạn

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi vẫn chịu tác động tiêu cực từ hậu quả của dịch bệnh Covid-19, ảnh hưởng nghiêm trọng từ cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraina, hoạt động sản xuất kinh doanh có giai đoạn chỉ mang tính cầm chừng.

- Thủ tục hành chính đã được cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết nhưng vẫn chông chéo cứng nhắc mất nhiều thời gian để thực hiện làm chậm tiến độ của các dự án đang triển khai.

- Môi trường làm việc của Công ty được cải thiện, đảm bảo ATLĐ, vệ sinh môi trường nơi làm việc, tăng thu nhập cho người lao động; áp dụng một số sáng kiến và rà soát điều chỉnh các khâu trong sản xuất đã giảm thiểu được tối đa chi phí.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 là: 385.042.854.769 đồng, giảm so với thời điểm 31/12/2021 là: 452.989.299 đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là: 207.112.549.383 đồng, giảm so với thời điểm 31/12/2021 là: 278.027.422.609 đồng.

2.3. Vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 là: 177.930.305.386 đồng, tăng so với thời điểm 31/12/2021 là: 174.961.877.348 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức ngày càng tinh gọn và hiệu quả. Chính sách quản lý rõ ràng thông suốt, linh hoạt.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2023 và kế hoạch trung, dài hạn

4.1. Hoạt động khai thác:

- Tiếp tục khai thác mỏ Nà Bốp - Pù Sáp đạt sản lượng 19.250 tấn quặng/năm.
- Mỏ Nà Duồng: Khai thác đạt công suất 4.750 tấn quặng/năm theo giấy phép đã được cấp.

- Tiếp tục lập hồ sơ xin góp vốn điều tra cơ bản địa chất 02 điểm mỏ có triển vọng và hồ sơ xin cấp giấy phép thăm dò các điểm mỏ đã được đưa vào quy hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.2. Hoạt động chế biến:

- Tiếp tục thuê Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã tuyển quặng từ mỏ Nà Bốp - Pù Sáp, Nà Duồng theo thực tế khai thác.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý để đầu tư xây dựng tổ hợp dây truyền luyện kẽm và điện phân kẽm gồm: Nhà máy xử lý sunfua kẽm, Nhà máy xử lý tách hòa tan ô xít kẽm, Nhà máy điện phân kẽm và Dây truyền điện phân Đồng cùng các công trình phụ trợ phục vụ dự án tại Cụm công nghiệp thuộc huyện Chợ Mới.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý để đầu tư Dây truyền xử lý ắc quy phế thải với công suất 120.000 tấn/năm và dây truyền xử lý bụi khói lò luyện thép (bụi lò cao) với công suất 70.000 tấn/năm cùng các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất tại Cụm công nghiệp Thanh Thịnh thuộc huyện Chợ Mới.

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để đưa dây truyền hòa luyện Đồng công suất 6.000 tấn/năm vào hoạt động tại huyện Chợ Đồn.

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để xây dựng và đưa dây truyền xử lý ắc quy chì thải vào hoạt động tại huyện Chợ Đồn.

4.3. Các dự án trung và dài hạn:

- Tìm các giải pháp tiếp tục đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại thành phố Thái Nguyên theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2133/QĐ-UBND ngày 12/07/2019 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1985/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Tập chung xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Thanh Thịnh thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Tiếp tục triển khai các dự án đã được DHDCD phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện trong đó có Hồ chứa đuôi thải mới cho Xưởng tuyển nổi tại huyện Chợ Đồn.

- Tiếp tục rà soát từng khâu trong khai thác, chế biến để cắt giảm tối đa chi phí, giảm giá thành sản xuất.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán

Công ty giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 so với năm 2021 tại Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán và lợi nhuận sau thuế thu

nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính năm 2021:

5.1. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2022 so với năm 2021:

TT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	240.298.998.787	377.712.504.659	(137.413.505.872)
2	Giá vốn hàng bán	221.945.101.880	347.288.274.432	(125.343.172.552)
3	Doanh thu hoạt động tài chính	6.679.324.877	2.445.786.055	4.233.538.822
4	Chi phí tài chính	13.420.774.693	18.447.637.921	(5.026.863.228)
5	Chi phí bán hàng	926.738.298	457.782.000	468.956.298
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.602.671.554	10.636.027.273	1.966.644.281
7	Thu nhập khác	7.672.491.822	4.708.783.296	2.963.708.526
8	Chi phí khác	2.787.101.023	1.605.877.910	1.181.223.113
9	Tổng lợi nhuận trước thuế	2.968.428.038	6.431.474.474	(3.463.046.436)
10	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.968.428.038	6.431.474.474	(3.463.046.436)

5.2. Nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính năm 2021:

TT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
1	Giá vốn hàng bán	221.945.101.880	347.288.274.432	(125.343.172.552)
2	Chi phí tài chính	13.420.774.693	18.447.637.921	(5.026.863.228)
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.602.671.554	10.636.027.273	1.966.644.281
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.968.428.038	6.431.474.474	(3.463.046.436)

Nguyên nhân chênh lệch:

- Chênh lệch doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch, giá vốn hàng bán

nguyên nhân chủ yếu năm 2022 hàng hóa, thành phẩm xuất bán ít hơn so với năm 2021.

- Chênh lệch doanh thu hoạt động tài chính do năm 2022 có khoản thu chuyển nhượng công ty con.

- Chênh lệch chi phí tài chính năm 2022 giảm do tiền lãi vay ngắn hạn giảm vì nguồn vốn vay ngắn hạn giảm.

- Chênh lệch chi phí bán hàng do năm 2022 lượng hàng xuất khẩu nhiều hơn năm 2021; chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 tăng chủ yếu chi phí tiền lương.

- Chênh lệch thu nhập khác và chi phí khác năm 2022 tăng do chuyển giao dự án.

Từ các nguyên nhân nêu trên dẫn tới lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2022 giảm so với năm 2021 là 3,46 tỷ đồng.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, việc sử dụng nhiều năng lượng cho sản xuất là không thể tránh khỏi. Trong các năm tiếp theo Công ty tiếp tục có những chính sách mới phù hợp khuyến khích việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng cũng như hạn chế và xử lý triệt để chất thải nguy hại phát sinh...

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Tiếp tục có chính sách khuyến khích người lao động làm việc, gắn bó với Công ty như tạo thu nhập ổn định, tăng thu nhập, có nhiều chính sách phúc lợi.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã và đang đồng hành cùng địa phương trong vấn đề an sinh xã hội đặc biệt là các địa bàn Công ty đang hoạt động sản xuất cũng như các địa phương nghèo cần hỗ trợ phát triển.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2022, với sự đoàn kết nỗ lực của tập thể Ban Tổng Giám đốc trong điều hành, quyết liệt trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh nên kết quả đạt được của Công ty là tích cực và cơ bản ổn định.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh; báo cáo kịp thời, đầy đủ các nội dung cần trình HĐQT xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền. Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết HĐQT, nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 do ĐHĐCĐ phê duyệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường hoạt động giám sát, đảm bảo Công ty hoạt động đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Phối hợp với Ban Điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

trình ĐHĐCD thông qua và giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2023. Trong năm 2023, sẽ đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, luyện và điện phân kẽm, điện phân và hòa luyện đồng, tái chế ắc quy chì, xử lý bụi lò cao, hồ chứa thải mới cho xưởng tuyển, dự án tòa nhà văn phòng tại Thái Nguyên và tiếp tục triển khai các dự án đã được ĐHĐCD phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện.

- Tăng cường hỗ trợ Ban điều hành để hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được ĐHĐCD, HĐQT giao/Thông qua.

- Đẩy mạnh công tác giám sát, đôn đốc Ban Điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch cũng như xem xét kịp thời, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và tổ chức nhân sự theo đề nghị của Ban điều hành trên cơ sở thẩm quyền của HĐQT để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt chưa làm được nhằm cùng với Ban điều hành phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng 6: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty

TT	Thành viên	Tại thời điểm		Ghi chú
		Số Cổ phần	%/Vốn Điều lệ	
1	Ông Vũ Phi Hồ	0	0	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đinh Văn Hiến	2.576	0,02	Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Trần Nhất	0	0	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Mai Thanh Sơn	0	0	Không điều hành
5	Ông Nguyễn Huy Hoàn	292.200	2,49	Không điều hành

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Chưa thành lập.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Bảng 7: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty

Stt	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Vũ Phi Hồ	CT HĐQT	30/07/2013	4/4	100%	
2	Ông Đinh Văn Hiến	TV HĐQT	30/07/2013	4/4	100%	
3	Ông Mai Thanh Sơn	TV HĐQT	30/07/2013	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Huy Hoàn	TV HĐQT	01/06/2014	4/4	100%	
5	Ông Nguyễn Trần Nhất	TV HĐQT	28/04/2016	4/4	100%	

- Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022:

Bảng 8. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	04/2022/NQ-HĐQT	21/02/2022	Thông qua ngày tổ chức ĐHĐCĐ và ngày cuối cùng thực hiện quyền tham gia ĐHĐCĐ	5/5
02	07/2022/QĐ-HĐQT	10/3/2022	Điều chỉnh thời gian và tiến độ xây dựng Tòa nhà văn phòng cho thuê tại Thái Nguyên	5/5
03	10/2022/NQ-HĐQT	17/3/2022	Thông qua thay đổi ngày tổ chức ĐHĐCĐ và ngày cuối cùng thực hiện quyền tham gia ĐHĐCĐ	5/5
04	12/2022/NQ-HĐQT	29/3/2022	Về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	5/5
05	13/2022/NQ-HĐQT	29/3/2022	Thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Công ty TNHH Việt Trung	5/5
06	31/2022/NQ-HĐQT	02/6/2022	Tham gia ĐHĐCĐ bến xe Nghệ An	5/5

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
07	32/2022/NQ-HĐQT	02/6/2022	Về thù lao của Hội đồng quản trị năm 2022	5/5
08	35/2022/NQ-HĐQT	18/7/2022	Về việc thông qua thang, bảng lương của Công ty áp dụng từ 01/7/2022	5/5
09	37/2022/NQ-HĐQT	29/7/2022	Về việc thông qua hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 100% phần vốn góp của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Công ty TNHH Việt Trung	5/5
10	40/2022/NQ-HĐQT	19/9/2022	Về thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên	5/5

Bên cạnh đó HĐQT đã lập báo cáo tình hình quản trị 06 tháng, 01 năm và Công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Công ty chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

Bảng 9: Thành viên ban kiểm soát Công ty

TT	Thành viên	Tại thời điểm		Ghi chú
		Số cổ phần	% Vốn điều lệ	
1	Ông Nguyễn Thế Phòng	1.288	0,01	Trưởng ban kiểm soát
2	Ông Đặng Thanh Vân	639.283	5,45	Thành viên
3	Ông Bùi Đức Hùng	66	0,001	Thành viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Bảng 10: Số buổi tham dự họp Ban kiểm soát của các thành viên

55
 T
 Á
 S
 AN
 BI

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Thế Phòng	02/02	100%	100%	-
02	Ông Bùi Đức Hùng	02/02	100%	100%	-
03	Ông Đặng Thanh Vân	02/02	100%	100%	-

2.2.1. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

- Đối với Hội đồng quản trị: Qua giám sát, Ban kiểm soát đánh giá HĐQT tổ chức triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Các vấn đề, nội dung cuộc họp được chuẩn bị đầy đủ và được thảo luận công khai, biểu quyết thông qua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. HĐQT thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty: Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT và thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

- Đối với cổ đông: Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát chưa phát hiện cổ đông của Công ty vi phạm các quy định của Luật Chứng khoán, vi phạm công bố thông tin. BKS cũng không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm nào của HĐQT, BKS và các Cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

2.2.2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Trong quá trình thực hiện chức năng giám sát của mình, BKS luôn nhận được sự phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận, cán bộ quản lý khác trong Công ty.

2.2.3. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tổng mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty đã chi trả năm 2022 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thông qua tại Nghị quyết số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022 là **1.236.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu đồng)

- Thù lao của HĐQT năm 2022 là: 1.080.000.000 đồng.
- Thù lao của Ban kiểm soát năm 2022 là: 120.000.000 đồng.

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ*: Trong năm 2022 không có giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ*: Không.

3.4. *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty*: Công ty chưa có thành viên HĐQT độc lập.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán được đăng tải trên địa chỉ website: <http://backanco.com>

Nơi nhận:

- Như kính gửi (B/c);
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, KTT;
- CVP, TKCT (CBTT);
- Lưu: VT, CVP, PQ.



TỔNG GIÁM ĐỐC



Đình Văn Hiến